

## LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ KINH TẾ VĨ MÔ

### Inflation in vietnam: A glance from macroeconomic perspective

Phạm Văn Đình<sup>1</sup>, Bùi Thị Nga<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Viện Kinh tế và Phát triển, <sup>2</sup> Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh  
Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

#### TÓM TẮT

Lạm phát là một hiện tượng kinh tế thông thường, tuy nhiên lạm phát cao lại là một vấn đề nổi cộm trong đời sống kinh tế xã hội. Gần đây, lạm phát cao đã xảy ra đối với nền kinh tế của Việt Nam, đặc biệt trong những tháng đầu năm 2008. Hiện tượng này đã gây nên sự chú ý quan tâm của mọi tầng lớp dân cư, của Chính phủ và các nhà nghiên cứu. Người dân có những phản ứng đa dạng, rất nhiều người đã có những quan điểm khác nhau về vấn đề lạm phát và kiềm chế lạm phát và Chính phủ cũng liên tiếp đưa ra các chính sách nhằm kiềm chế lạm phát.

Để nhìn nhận một cách thoả đáng hiện tượng lạm phát hiện nay của Việt Nam nhằm vận dụng tốt các chính sách của Chính phủ trong điều kiện hiện tại, các tác giả của bài báo này muốn chia sẻ những trăn trở qua phân tích hiện tượng lạm phát của Việt Nam hiện nay, giải thích nguyên nhân của tình trạng lạm phát do cầu kéo, do chi phí đẩy và vấn đề tiền tệ cùng các nguyên nhân khác từ góc nhìn kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nhìn chung lạm phát của Việt Nam cần đặt trong khung cảnh biến động xấu của nền kinh tế thế giới. Hơn nữa sự yếu kém trong việc quản lý chính sách tiền tệ và giá cả của Việt Nam cũng góp phần làm cho lạm phát tăng cao. Cuối cùng các tác giả cũng mạnh dạn nêu những gợi ý đề xuất các giải pháp chủ yếu, đặc biệt là giải pháp về chính sách tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát.

Từ khoá: Cầu kéo, chi phí đẩy, chính sách tiền tệ, lạm phát.

#### SUMMARY

A typical inflation is one of common economic phenomena but high inflation is distortion resulting in the instability in economics and society. Recently, such a distortion has been happening in the Vietnamese economy, particularly, it seems to be severe in the early months of the year 2008. This issue has been concerned by many groups including citizens, the Government and researchers. Citizens have various responds to this phenomenon. Different points of view are also given as well as solution to control the increasing inflation.

In order to giving a better understanding of the current inflation in Vietnam and of Vietnamese Government's policies, effects of inflation on economy was analyzed and the reasons of inflation which could be demand pulling, cost pushing, monetary problem and others was explained. However, the global economic crisis has also caused negative effects on Vietnamese economy leading to those above problems. Moreover, the inconsistent management in monetary and pricing policies have added to such a high inflation in Vietnam. Finally, recommendations in terms of monetary and pricing policies to control the inflation are presented in this paper.

Keyword: Cost pushing, demand pulling, inflation, monetary policies.

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tình trạng lạm phát hoành hành đang tác động đến tất cả mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội của chúng ta. Là một trong những nước ở châu Á có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao nhất, tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam đang đứng trước nguy cơ sẽ chậm lại vì giá thực phẩm tăng vọt, giá xăng dầu tăng đột biến, tiền công lên

cao và lãi suất tín dụng tăng... Hậu quả là thu nhập của các gia đình đang dần dần giảm sút, ngân hàng phải giới hạn cho vay và Chính phủ cũng duyệt xét lại chính sách hiện hành. Đã có nhiều nhà kinh tế đưa ra các quan điểm khác nhau giải thích cho vấn đề này. Trong bài viết này chúng tôi xin đưa ra một số quan điểm về lạm phát của Việt Nam hiện nay nhìn từ góc độ kinh tế học vĩ mô.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

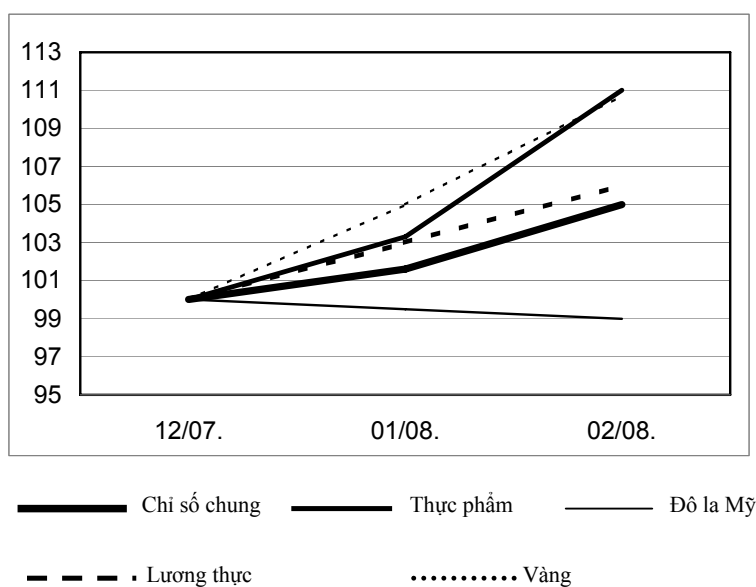
### 2.1. Điểm qua tình hình lạm phát ở Việt Nam hiện nay

#### 2.1.1. Tình hình

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam có khả năng cao đã được dự tính từ đầu quý III năm 2007, khi CPI tháng 6/2007 so với tháng 6/2006 tăng 7,8%. Kết thúc năm 2007, lần đầu tiên sau hơn 10 năm, CPI tháng 12 năm 2007 tăng so với tháng 12 năm trước là hai chữ số (12,63%), trong đó đáng chú ý là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng tới 18,92%, riêng lương thực tăng 15,4% và thực phẩm tăng 21,2%. Như vậy Việt Nam đã không thực hiện

được chỉ tiêu kế hoạch do Quốc hội thông qua là CPI thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế (<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=507&ItemID=6894>).

Tình hình đó lại trầm trọng thêm trong những tháng đầu năm 2008, CPI tiếp tục tăng cao, trong đó chỉ số giá thực phẩm trong tháng 1/2008 cao hơn 14% so với cùng thời kỳ này năm ngoái. Giá tiêu dùng bình quân 2 tháng đầu năm 2008 so với 2 tháng năm 2007 là 14,89% (Hình 1). Mặt khác, những diễn biến phức tạp do giá gạo trên thị trường quốc tế tăng vọt vào cuối tháng 4 đã xuất hiện hiện tượng đầu cơ và với tâm lý hoang mang, nhiều người dân đã đổ xô mua gạo tích trữ.



**Hình 1. Biến đổi của chỉ số giá tiêu dùng và đô la Mỹ**

Nguồn: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=507>

Ngoài ra, một điều rất đáng được quan tâm đó là tuy cùng chịu những tác động bên ngoài như nhau nhưng con số lạm phát của Việt Nam cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Cụ thể là, mức CPI trung bình của các nước đang phát triển thuộc thành viên ADB là 3,4% năm 2005 và 3,3% năm 2006 thì số liệu tương ứng của Việt Nam là 8,4% và 6,7%. Ngay cả Trung Quốc có tốc độ phát triển kinh tế nhanh hơn nhiều so với Việt Nam, tỷ lệ lạm phát vẫn thấp hơn Việt Nam.

Theo Benedict Bingham, chuyên gia IMF, tình trạng chưa tiến xa đến mức không thể kiểm soát nhưng lạm phát ở mức hai con số cần phải được tính toán, cân nhắc và xem xét thận trọng. Nếu xu hướng này tiếp tục kéo dài, Việt Nam có nguy cơ phải đối mặt với cơn bão giá, rất khó thích ứng.

#### 2.1.2. Ảnh hưởng của lạm phát

Lạm phát cao có xu hướng làm thay đổi các cân bằng thực của nền kinh tế; làm chệch hướng

các nguồn lực khi thực hiện các giao dịch; giảm tín hiệu thông tin về giá tương đối từ đó dẫn đến tình trạng phân bổ nguồn lực không hiệu quả. Khi lạm phát tăng, giá trị của tiền giảm, khiến chức năng là đơn vị hạch toán của tiền thay đổi, điều này làm cho việc hạch toán chi phí - lợi nhuận của doanh nghiệp trở nên khó khăn, gia tăng sự bất ổn định, dẫn đến tình trạng tái phân phối của cải một cách tùy tiện. Chẳng hạn, khi lạm phát cao hơn so với dự kiến thì người đi vay được lợi và người cho vay bị thiệt. Lạm phát tăng sẽ tác động lên đến lãi suất cơ bản, tiền lương và tỷ giá chuyển đổi ngoại tệ (Nguyễn Văn Công, 2006).

Đặc biệt, lạm phát sẽ làm giảm sức mua của người nghèo và làm tăng bất bình đẳng về thu nhập, có ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế của đất nước. Khi lạm phát vượt qua ngưỡng nhất định thì nó sẽ làm ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của nền kinh tế.

Đối với một nước dân số đông và tăng nhanh như Việt Nam, số người nghèo có thể tăng lên cùng với lạm phát. Trước tình trạng lạm phát tăng cao, chỉ một bộ phận người Việt có thể đầu tư vào lĩnh vực tài chính, bảo vệ chính mình. Phần đông người dân không có được công cụ bảo vệ đó, đặc biệt là người nghèo. Họ phụ thuộc vào thu nhập thường xuyên hằng ngày hoặc hàng tháng. Nhiều người sẽ có thể bị tái nghèo trong "cuộc đua" mua hàng hóa trong cơn lạm phát cao.

## 2.2. Nguyên nhân của tình trạng lạm phát ở Việt Nam

### 2.2.1. Lạm phát do cầu kéo

Ở Việt Nam, trước hết, với mức tăng trưởng GDP đáng tự hào 8,48% đã góp phần làm tăng thu nhập bình quân của người dân nói chung khoảng 6% (tất nhiên có khoảng chênh lệch lớn giữa các nhóm dân cư). Việc mở rộng ngân sách chi tiêu, thông qua nâng cao mức lương và các khoản trợ cấp cho cán bộ công chức, (đặc biệt vào đúng dịp tết Nguyên đán) đã kích thích tiêu dùng trong nước (C) tăng mạnh. Bên cạnh đó, lượng kiều hối (của Việt Kiều, của lao động làm việc ở nước ngoài...) cũng tới 5 tỷ USD chủ yếu được thân nhân sử dụng để tiêu dùng cũng làm tăng mức tiêu dùng trong nước.

Thứ hai, đầu tư (I) của Việt Nam tăng nhanh do được khích lệ bởi việc gia nhập WTO và

những cải thiện trong môi trường kinh doanh. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt khoảng 20,3 tỷ USD (gồm trên 17,8 tỷ USD là số vốn đăng ký cho các dự án mới được cấp giấy phép trong năm 2007 và gần 2,5 tỷ USD là vốn đăng ký bổ sung các dự án được cấp phép từ các năm trước), tăng 69,3 % so với năm 2006, vượt kế hoạch 56,3% và đạt mức cao nhất từ trước tới nay. Vốn FDI thực hiện khoảng 4,6 tỷ USD, tăng 600 triệu USD.

Đầu tư gián tiếp năm 2007 vào Việt Nam cũng tăng vọt, thông qua việc mua các cổ phiếu (năm 2007 ước đạt 5,6 tỷ USD, tăng 4,3 tỷ USD). Vốn ODA đạt mức khá cao, tính chung hai năm 2006 - 2007 tổng vốn ODA dành cho Việt Nam đạt khoảng 8,19 tỷ USD. Tuy giải ngân còn chậm, nhưng cũng đạt hơn 2 tỷ USD, tăng hơn 200 triệu USD. Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2007 khoảng 461,9 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8%; riêng khu vực Nhà nước chiếm 43,3% tổng vốn đầu tư, tăng 8,1%. Các chỉ tiêu tương ứng trên cho khu vực ngoài quốc doanh là 40,7% và 24,8%, khu vực có FDI là 16% và 17,1% (<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=507&ItemID=6894>).

Như vậy sự phát triển với tốc độ cao làm tăng tiêu dùng và nhu cầu đầu tư trong nước; một số chính sách chưa hoàn toàn phù hợp của Chính phủ cộng với ảnh hưởng của nhân tố bên ngoài như sự tăng giá hàng hóa quốc tế, yếu tố "sốc" cung trong khu vực và bệnh dịch, thiên tai là những nhân tố thúc đẩy lạm phát. Từ sự phân tích trên cho thấy, nguyên nhân của tình trạng tăng giá tại Việt Nam là hậu quả tổng hợp từ tác động của các nhân tố bên ngoài cùng với những "cú sốc" cung khu vực và các nhân tố trong nước.

### 2.2.2. Lạm phát do chi phí đẩy

Lạm phát có thể xảy ra khi một số loại chi phí đồng loạt tăng lên trong toàn bộ nền kinh tế mà các nhà kinh tế gọi là "cú sốc" cung. Điều này làm cho mức giá chung của nền kinh tế tăng lên, đồng thời hạn chế một phần tăng trưởng kinh tế.

Với chính sách như hiện nay, dường như chúng ta đang "nhập khẩu" lạm phát từ bên ngoài. Giá nhiên liệu và thực phẩm tăng trên khắp thế giới và áp lực lạm phát đặc biệt mạnh tại Việt Nam vào lúc chúng ta đang thực thi các cải cách thị trường.

Năm 2007 giá trị nhập khẩu của Việt Nam đạt 60,83 tỷ USD, bằng 83% GDP. Với ngành chế biến, Việt Nam gần như là công xưởng gia công cho nước ngoài, bởi nguyên liệu chính cho các ngành giấy da, dệt, may mặc, nhựa... hầu hết phụ thuộc vào nhập khẩu, trong đó 100% nhiên liệu lỏng đã chế biến (xăng dầu) phải nhập khẩu. Việc tăng giá dầu trên thị trường quốc tế đã tác động khá lớn đến mức giá trong nước. Năm 2007, giá xăng trong nước đã phải điều chỉnh 6 lần.

Chính phủ Việt Nam đã có những biện pháp tích cực như giảm thuế nhập khẩu, dẫn nợ, bù giá... cho các doanh nghiệp nhập khẩu và sử dụng nguyên, nhiên liệu nhập khẩu... Tuy nhiên không phải khi thuế nhập khẩu giảm, mọi sản phẩm được sản xuất từ các nguyên liệu nhập khẩu này có thể giảm giá ngay được vì cần có độ trễ nhất định về thời gian sau khi giảm thuế nhập khẩu. Mặt khác, Nhà nước khó kiểm soát được các doanh nghiệp có giảm giá đúng với mức độ giảm thuế nhập khẩu hay không, trong khi đó có doanh nghiệp tuy được hưởng chính sách giảm thuế nhập khẩu, nhưng giá sản phẩm sản xuất ra không những không giảm mà lại còn tăng. Hiện nay, biện pháp bù giá không phù hợp với kinh tế thị trường nhưng Chính phủ chưa tìm ra các biện pháp hữu hiệu để thay thế và đặc biệt còn lúng túng về lộ trình.

### 2.2.3. Tiền tệ và lạm phát

Lý thuyết tiền tệ là cách giải thích thuyết phục nhất về nguồn gốc sâu xa của hiện tượng lạm phát. Tư tưởng cơ bản của lý thuyết này là: Khi có quá nhiều tiền tham gia lưu thông, sẽ có hiện tượng dư cầu tiền so với tổng cung tiền, kết quả là đẩy giá lên cao. Họ cho rằng: “Lạm phát ở

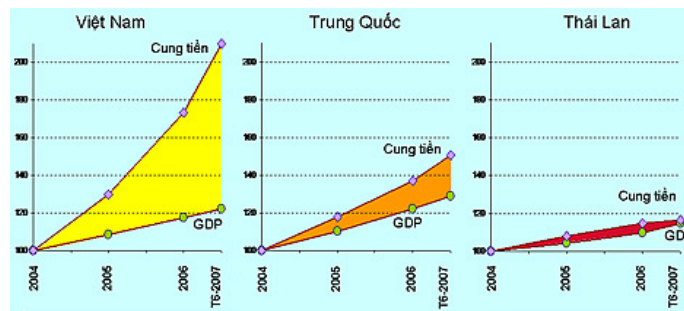
đâu và bao giờ cũng là hiện tượng tiền tệ... và nó chỉ có thể xuất hiện một khi cung tiền tăng nhanh hơn sản lượng” (Friedman, 1970).

Trường hợp lạm phát thời gian qua ở Việt Nam, có một phần liên quan đến chính sách tiền tệ của Chính phủ.

*Thứ nhất*, lượng cung tiền của Việt Nam đã tăng nhanh hơn tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua, đẩy mức giá chung của nền kinh tế lên cao. Lượng tiền kiều hối chuyển về nước đang trở thành một nguồn chính của các giao dịch ngoại tệ. Dòng vốn từ nước ngoài đổ vào Việt Nam nhiều hơn rất nhiều so với trước. Ngân hàng Nhà nước giữ vai trò điều tiết buộc phải đóng vai trò người mua ngoại tệ cuối cùng và đưa thêm tiền VND vào lưu thông. Nhà nước tăng nhanh dự trữ ngoại tệ bằng cách mua khoảng 9 tỷ USD (tương ứng 145 nghìn tỷ đồng Việt Nam). Tăng dự trữ ngoại tệ là đúng, nhưng mua quá nhiều ngoại tệ (chủ yếu là USD - đồng tiền đang mất giá so với nhiều đồng ngoại tệ khác) là chưa hợp lý.

Nhà nước có chú ý thu tiền về bằng phát hành trái phiếu để sử dụng vào các mục tiêu đầu tư nhưng đã không được sự hưởng ứng rộng rãi của xã hội vì thiếu sự hấp dẫn (về lãi suất, thời gian...). Mặt khác với các khoản tiền từ phát hành trái phiếu Nhà nước, chúng ta đã chi nhiều khoản không phải cho sản xuất, điều đó lại làm tăng lượng tiền trong lưu thông.

Tốc độ tăng cung tiền của Việt Nam cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực, đặc biệt mức chênh lệch giữa tăng trưởng GDP và tăng cung tiền của Việt Nam dân rộng trong 3 năm qua (Hình 2).



**Hình 2. Mức tăng cung tiền của Việt Nam so với các nước khác trong khu vực**

Nguồn: [http://images.vietnamnet.vn/dataimages/200802/original/images1504605\\_amphat2007a.jpg](http://images.vietnamnet.vn/dataimages/200802/original/images1504605_amphat2007a.jpg)

Thêm vào đó, giới đầu tư đã đổ tiền vào các thị trường nóng bỏng là nhà đất và chứng khoán, trong khi sự tăng trưởng mạnh trong khu vực ngân hàng cũng đã dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng trong tín dụng. Lượng tiền lưu thông quá lớn, tỷ lệ tăng tín dụng tới 40% (trong khi tăng GDP chỉ có 8,48%).

*Thứ hai*, chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam còn cứng nhắc. Việt Nam ràng buộc tỷ giá vào một điểm so với đồng USD trong khi đồng tiền này biến động trên thị trường tiền tệ toàn cầu. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam đã nhập khẩu một phần ảnh hưởng lạm phát của việc đồng USD mất giá. Đồng USD đã giảm giá 9% so với EURO, 7% so với đồng Yên. Điều này đồng nghĩa với giá hàng hóa trên thế giới tính theo tiền USD tăng rất nhanh. Các nước khác trong khu vực đã cho phép tỷ giá biến động phù hợp với những biến động của đồng USD trên thị trường nên giá hàng hóa không bị tăng theo sự mất giá của đồng USD, xóa đi một số tác động xấu đối với nền kinh tế.

#### 2.2.4. Một số nguyên nhân khác

Trên thực tế không loại trừ hiện tượng một số doanh nghiệp lợi dụng thông tin về tăng lương, tăng thưởng để đẩy giá lên. Có nhiều doanh nghiệp ít bị tác động của các cú sốc cung như trên nhưng giá đầu ra tăng lên đáng kể (như dược phẩm, sữa và các chế phẩm từ sữa) (Hiện chưa có số liệu nghiên cứu cụ thể về vấn đề này).

Hiện tượng lạm phát tăng cao ở Việt Nam cũng phải kể đến nguyên nhân xuất phát từ giỏ hàng hoá dùng để tính chỉ số giá tiêu dùng (CPI). Giá thực phẩm tăng 25,2% so với cùng kỳ năm ngoái trong khi thực phẩm chiếm tới 42,8% rổ hàng hoá. ADB nhận xét rằng, lạm phát giá thực phẩm ở Việt Nam cao hơn và biến động hơn so với các nước khác. Tương tự như vậy, giá nhà đất và vật liệu xây dựng tăng 16,4% trong khi trọng số của nó trong giỏ hàng hoá để tính CPI cũng chiếm tới 8,2%... Điều này dường như làm cho tỷ lệ lạm phát cao hơn mức giá chung trong nền kinh tế nếu chúng ta tính theo phương pháp chỉ số điều chỉnh GDP.

Bên cạnh đó, tình hình thời tiết bất thường, hạn hán, lũ lụt và nguy cơ trở lại của dịch cúm gia cầm sẽ là những nhân tố tiềm ẩn có thể gây nên cơn sốt giá, đặc biệt là mặt hàng lương thực, thực phẩm (hiện chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giỏ hàng hoá dùng để tính CPI). Mặc dù giá trị

sản xuất của ngành trồng trọt tăng nhưng sản lượng lương thực lại giảm. Ngành chăn nuôi, sản lượng thịt lợn (nguồn tiêu dùng lớn nhất về thịt) xuất chuồng tăng không đáng kể (khoảng 1%) trong khi tăng bình quân các năm trước từ 5 - 7%. Như vậy khối lượng hàng hoá cung cấp cho thị trường có bị giảm sút hoặc không tăng, trong khi nhu cầu tiêu dùng tăng. Điều này sẽ là một áp lực lớn có thể còn đẩy giá lên cao hơn...

Ngoài ra, một yếu tố đáng kể khác (như Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã phát biểu tại phiên họp thường kỳ của Chính phủ Việt Nam tháng 12/2007) là do điều hành chính sách tiền tệ, giá cả chưa đạt hiệu quả và việc quản lý và điều hành của Nhà nước có những điểm chưa chuẩn xác, chưa đồng bộ, chưa kịp thời ở tầm vĩ mô, chủ yếu trên thị trường tiền tệ.

### 3. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Theo Haruhiko Kuroda, Chủ tịch Ngân hàng Phát triển châu Á - ADB “Quản lý kinh tế vĩ mô một cách thận trọng là điều then chốt để phát triển kinh tế bền vững. Với Việt Nam, kiểm soát áp lực lạm phát không phải dễ vì có nhiều nhân tố nằm ngoài khả năng tự kiểm chế” (<http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105039/ns080222142708>). Câu nói này được coi là đúng đối với tình hình lạm phát của Việt Nam hiện nay.

Để kiểm soát và từng bước làm giảm tình trạng lạm phát như hiện nay, về lý thuyết chúng ta có thể sử dụng hai hệ thống chính sách cơ bản là chính sách tài chính chặt và chính sách tiền tệ chặt. Theo ý kiến chủ quan, chúng ta không nên sử dụng chính sách tài chính chặt trong giai đoạn hiện nay vì trong điều kiện Việt Nam vừa gia nhập WTO, việc sử dụng chính sách tài chính chặt có thể sẽ làm ảnh hưởng lớn đến sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế. Hiệu quả của chính sách tài khoá chặt chỉ phát huy khi nền kinh tế có tổng chi tiêu vượt quá năng lực sản xuất hiện có. Khi đó, sự hạn chế của cung sẽ ngăn cản nền kinh tế mở rộng và giá cả sẽ tăng tốc. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam chưa có biểu hiện của tình trạng này. Chưa có hiện tượng khan hiếm nguồn lực cho quá trình phát triển (nguyên vật liệu, năng lượng...), giá cả sức lao động vẫn ở mức thấp, chưa có sự nóng lên của thị trường yếu tố đầu vào. Và mặc dù nền kinh tế

tăng trưởng liên tục nhưng chưa phải là phát triển quá nóng.

Thay vào đó, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nên thực hiện một số điều chỉnh trong chính sách tiền tệ. NHNN cần tăng cường phát hành trái phiếu để hạn chế tổng lượng phương tiện thanh toán. Bên cạnh đó, NHNN cũng cần tăng dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngân hàng, điều chỉnh lãi suất linh hoạt và quản lý chặt hoạt động cho vay tín dụng nhằm thu hút tiền mặt trong dân, hướng người dân sử dụng đồng tiền đầu tư vào các hoạt động sản xuất - kinh doanh, vào việc tham gia mua trái phiếu Chính phủ, thậm chí gửi tiền ngân hàng... thông qua nhiều chính sách và biện pháp về ngoại hối, ngoại tệ, lãi suất. Bằng cách này, cung tiền sẽ giảm xuống, làm cho lãi suất tăng lên. Lãi suất tăng thì đầu tư sẽ giảm và kết quả là tổng cầu sẽ giảm, mức giá sẽ giảm. Hơn nữa, hiện nay nền kinh tế Việt Nam không rơi vào khủng hoảng nên chính sách tiền tệ sẽ có cơ hội phát huy hiệu quả.

Chính phủ cũng cần có sự thay đổi và linh hoạt trong hoạt động tiền tệ để quản lý lãi suất có khả năng phản ứng tốt hơn. Trên thực tế, có một khoảng trống giữa việc thực thi chính sách tiền tệ và tác động đối với lạm phát. Đối với Việt Nam, độ trễ của chính sách tiền tệ khoảng 15 - 18 tháng. Do đó, một chính sách đúng đắn và áp dụng sớm là yêu cầu cần thiết đối với Chính phủ nói chung và NHNN nói riêng.

Về chính sách tỷ giá, chúng ta cần có sự linh hoạt hơn trong tỷ giá hối đoái và lãi suất. Nhờ đó, ngay cả khi thị trường có biến động, gây áp lực lên tỷ giá hối đoái, tỷ giá có một khoảng dịch chuyển phù hợp mà NHNN không nhất thiết phải có sự can thiệp. Tỷ giá của đồng tiền Việt Nam

so với USD cần có phản ứng nhanh hơn trước sự lên xuống của đồng đô la Mỹ. Việt Nam cũng có thể để một số áp lực bên ngoài được phản ánh trong tỷ giá hối đoái của tiền đồng như các nước láng giềng đã làm. Điều này sẽ tạo nên tác động hai mặt, làm giảm mức độ lạm phát và giảm yêu cầu đối với NHNN trong việc bỏ ra một lượng lớn tiền mặt để mua ngoại tệ, từ đó sẽ hạn chế việc mở rộng cung tiền.

Cuối cùng, chúng ta hy vọng với việc Chính phủ đã và đang có những chính sách đầu tư hiệu quả hơn vào lĩnh vực công như Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Chính phủ tuyên bố (chương trình thời sự, lúc 19h ngày 18/5/2008, trên VTV1) thì mức giá sẽ được kiểm soát và tỷ lệ lạm phát của Việt Nam sẽ quay trở lại mức 1 con số vào cuối năm 2008.

## 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn Công, (2006). "*Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô*", Nhà xuất bản Lao động- Xã hội, Hà Nội, tr. 244-246.
- Friedman, M. (1970). "*The counter- revolution in Monetary Theory*", Institute of Economic Affair, Accasional Paper, No. 33.
- <http://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=217>
- <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=507&ItemID=6894>.
- [http://images.vietnamnet.vn/dataimages/200802/original/images1504605\\_amphat2007a.jpg](http://images.vietnamnet.vn/dataimages/200802/original/images1504605_amphat2007a.jpg)
- <http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105039/ns080222142708>
- <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=507>
- Samuelson, P. and Nordhaus, W., "*Kinh tế học*", Viện Quan hệ quốc tế, 1989, Hà Nội, tr.395-450.



